TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 9- 2019
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T (Tên thường gọi là T), sinh năm 1985; địa chỉ: Số 149 ấp Đ, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Anh T có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Cẩm T1 (Tên thường gọi là S), sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Số 149 ấp Đ, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 28 ấp T, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Chị T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, các biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Ngọc T trình bày:

Anh T và chị Bùi Thị Cẩm T1 cưới nhau năm 2013, đến ngày 08/8/2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2013. Anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc, trong thời gian chung sống chị T1 cũng nhiều lần đòi ly hôn, mặc dù anh T đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng được, vợ chồng thường xuyên cãi vã về chuyện tiền bạc. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm T1.

Về nuôi con chung: Thời gian chung sống anh T và chị T1 có 01 con chung tên Phạm Gia Thế H, sinh ngày 26/9/2014 hiện đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng anh T. Vì từ khi ly thân đến nay đã hơn một năm con do anh T nuôi dưỡng và anh T cho rằng đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tốt cho con, hiện nay con vẫn phát triển bình thường và bản thân anh T có nghiệp vụ giáo viên sư phạm nhưng hiện do điều kiện gia đình anh T đơn chiết vì anh T là con trai duy nhất trong gia đình và ruộng vườn nhiều nên anh T phải ở nhà làm vườn và chăm sóc con. Về kinh tế gia đình anh T thì ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con một cách tốt nhất và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Bùi Thị Cẩm T1 trình bày:

Chị T1 thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Ngọc T về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc thời gian chính thức ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không tôn trọng chị T1, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, chị T1 cho rằng mâu thuẫn về kinh tế rất nhiều do chị T1 không đi làm chỉ ở nhà nuôi con và phụ giúp gia đình nhà chồng, còn anh T thì làm vườn phụ giúp cha mẹ chồng nên kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào cha mẹ anh T nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc. Nhưng do không còn tình cảm với anh T nên chị T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về nuôi con chung: Thời gian chung sống anh T và chị T1 có 01 con chung tên Phạm Gia Thế H, sinh ngày 26/9/2014 hiện đang sống với anh T. Chị T1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị T1. Từ khi ly thân đến nay con do anh T nuôi dưỡng vì anh T không cho chị T1 mang con theo khi ly thân và khi đó kinh tế của chị T1 chưa ổn định vì khi sống bên nhà chồng phụ thuộc kinh tế cha mẹ chồng nên chị T1 tạm để con cho anh T chăm sóc và

đi tìm việc làm, hiện nay chị T1 kinh doanh quán lẩu cua đồng tại ấp T, xã xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng tốt cho con.

Lý do chị T1 không đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng vì chị T1 cho rằng anh T là đàn ông sẽ không chăm sóc chu đáo cho con và cha mẹ anh T lớn tuổi cũng không thể nào chăm sóc tốt cho cháu bằng gia đình chị T1. Từ khi ly thân đến nay chị T1 về thăm con thường xuyên. Trong quá trình đến thăm con chị T1 cũng mua sữa và các loại thức ăn quần áo và đồ chơi cho con.

Về chia tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Bùi Thị Cẩm T1. Anh T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Gia Thế H, sinh ngày 26/9/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Phạm Ngọc T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm T1 là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh T và chị T1 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị T1 có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Việc anh T và chị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2013 đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên sau hơn 04 năm chung sống, từ việc vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm, không chia sẻ với nhau đã dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và đã thật sự xa nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Từ ngày xa nhau đến nay vợ chồng anh T và chị T1 không trở lại sống chung mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh T không đồng ý đoàn tụ gia đình với chị T1 mà yêu cầu được ly hôn với chị T1 và chị T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Xét thấy việc thỏa thuận ly hôn giữa anh T và chị T1 phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Bùi Thị Cẩm T1.

[3] Về nuôi con chung;

Anh T và chị T1 thống nhất thời gian anh T và chị T1 chung sống có 01 con chung tên là Phạm Gia Thế H, sinh ngày 26/9/2014 . Từ khi ly thân khoảng tháng 03/2018 đến nay anh T là người nuôi dưỡng con chung. Nay anh T và chị T1 cùng có yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy từ tháng 3/2018 đến nay anh T là người nuôi dưỡng con chung và chăm sóc con chung chu đáo. Đồng thời, anh T cũng đã chứng minh đảm bảo điều kiện về kinh tế để chăm sóc con tốt nhất và cũng được chính quyền địa phương xác nhận kinh tế gia đình anh T hiện nay ổn định, từ khi anh T một mình nuôi dưỡng con đến nay cháu H vẫn phát triển về thể chất và tinh thần bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa. Chị T1 thừa nhận là hiện nay bé vẫn phát triển bình, không bị bệnh thiểu năng nhưng chị T1 cho rằng con giảm cân hơn trước nhiều và không sạch sẽ nhưng không được anh T thừa nhận mà anh T cho rằng con nít thì có lúc này lúc khác nhưng nhìn tổng thể chung thì cháu H ngày một phát triển hơn trước. Xét tổng thể về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con thì anh T có điều kiện hơn chị T1 và anh T cũng có nghiệp vụ kỹ năng sư phạm. Bên canh đó từ khi hai người không còn chung sống với nhau cháu H được anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H đã được sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng gần gủi, thắt chặt tình cảm giữa anh T và cháu H. Nếu buộc cháu H phải xa rời anh T sẽ dẫn đến sự sang chấn về tâm lý của cháu H, làm ảnh hưởng không tốt cho cháu H.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu được nuôi con của anh T và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do anh T không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn chị T1 có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T1 trong việc thăm

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản: Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân;

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc T và chị Bùi Thị Cẩm T1.

2. Về nuôi con chung;

2.1. Giao con chung tên Phạm Gia Thế H, sinh ngày 26/9/2014 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Phạm Gia Thế H hiện đang do anh T nuôi dưỡng).

2.2. Anh Phạm Ngọc T không yêu cầu chị Bùi Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Phạm Gia Thế H.

2.3. Anh Phạm Ngọc T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Bùi Thị Cẩm T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Anh Phạm Ngọc T và chị Bùi Thị Cẩm T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Ngọc T và chị Bùi Thị Cẩm T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002958 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã A;

(GCNKH số 56 ngày ĐK 08/8/2013)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quan Nam